TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/DS-ST
Ngày: 18/9/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phạm Thị Hương Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;

2/ Ông Tống Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Trinh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 219/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc: tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 125/2023/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2023/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2024/QĐST-DS ngày 01 tháng 01 năm 2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 149/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Trúc G, sinh năm 1971; địa chỉ: số nhà F H, tổ A, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Hòa T, sinh năm 1982; địa chỉ: số C đường M, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; địa chỉ liên hệ: số F N, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/8/2022), có mặt.

Bị đơn: Ông Đặng Quốc D, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp B, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Ngọc M, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ C, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị Trúc G và bà Trần Ngọc M là bạn bè quen biết nhau do bà G và bà M thường đến chùa P do ông D làm trụ trì để cầu an. Do ông D cần tiền nên từ tháng 01/2022 đến tháng 4/2022 ông D nhiều lần vay tiền bà G với tổng số tiền là 4.678.500.000 đồng, ông D đã thanh toán 652.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa thanh toán là 4.026.500.000 đồng. Bà G cho ông D vay tiền được thực hiện thông qua việc chuyển khoản qua tài khoản của bà Trần Ngọc M. Sau khi vay tiền, ông D không thanh toán tiền cho bà G. Đến ngày 24/05/2022, ông D lập giấy cam kết còn nợ trả nợ bà G là 3.800.000.000 đồng, lý do nợ 4.026.500.000 đồng nhưng lập giấy chốt nợ là 3.800.000.000 đồng vì đã khấu trừ số nợ khác nên các bên chốt lại còn 3.800.000.000 đồng.

Việc vay tiền giữa ông D và bà G các bên không thỏa thuận lãi suất nhưng khi lập giấy cam kết trả nợ thì các bên thỏa thuận thời hạn từ ngày lập giấy 24/5/2022 đến ngày 10/6/2022 sẽ trả hết số tiền còn nợ. Ông D đưa bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CNQSDĐ) số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D là ngày 20/05/2022 để đảm bảo cho việc thanh toán tiền nợ cho bà G. Tuy nhiên, hết thời hạn ngày 10/6/2022, ông D vẫn chưa thanh toán cho bà G số tiền đã vay nên bà G khởi kiện ông D để yêu cầu thanh toán số nợ 3.800.000.000 đồng và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 10/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 10/9/2024 là 27 tháng theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 851.580.000 đồng. Sau khi ông D thanh toán tiền, bà G sẽ trả lại cho ông D bản chính Giấy CNQSDĐ số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D là ngày 20/05/2022.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là giấy cam kết trả nợ ngày 24/5/2022, Giấy CNQSDĐ số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D ngày 20/05/2022, sao kê tài khoản ngân hàng của bà Trần Ngọc M.

Bị đơn ông Đặng Quốc D được Tòa án văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc M trình bày:

Theo yêu cầu của bà G, bà M nhiều lần chuyển tiền cho ông D thông qua số tài khoản 0281000255456 của bà M mở tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh B đến tài khoản số 1018437388 của ông Đặng Quốc D. Số tiền bà M chuyển cho

ông D là tiền của bà G, bà M là người được yêu cầu chuyển dùm tiền cho ông D và nhận tiền thanh toán từ ông D để chuyển cho bà G.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, các đương sự đã thực hiện đúng quy định.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G đối với bị đơn ông Đặng Quốc D. Sau khi ông D thanh toán cho bà G hết số tiền gốc 3.800.000.000 đồng và tiền lãi 851.580.000 đồng, bà G có nghĩa vụ trả lại bản chính Giấy CNQSDĐ số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D ngày 20/05/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn ông Đặng Quốc D được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Ngọc M có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D, bà M.

[2] Theo kết quả xác minh ngày 15/12/2023 của Tòa án, bị đơn ông Đặng Quốc D bị bệnh tai biến mạch máu não, không đi lại được, không nói chuyện được nhưng vẫn nhận biết được, căn cứ Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án đã hướng dẫn cho nguyên đơn thực hiện việc tuyên bố bị đơn ông Đặng Quốc D mất năng lực hành vi dân sự, nguyên đơn đã nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố ông D mất năng lực hành vi dân sự nhưng sau đó rút đơn và Tòa án đã ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết việc dân sự. Theo quy định tại Điều 22 và Điều 24 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thì một người bị mất năng lực hành vi dân sự hay hạn chế năng lực hành vi dân sự dựa trên quyết định của Tòa án. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho ông D nhưng ông D từ chối ký nhận văn bản. Như vậy, tại thời điểm Tòa án tiến hành xét xử vụ án, không có căn cứ xác định ông D bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hay mất năng lực hành vi dân sự, việc ông D không tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[3] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G căn cứ vào Giấy cam kết trả nợ ngày 24/5/2022 để yêu cầu ông Đặng Quốc D thanh toán số tiền 3.800.000.000

đồng và yêu cầu tiền lãi tính từ ngày 10/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 10/9/2024 là 27 tháng theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 851.580.000 đồng.

[3.1] Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp là sao kê tài khoản số 0281000255456 chủ tài khoản là bà Trần Ngọc M thể hiện: từ ngày 07/01/2022 đến ngày 25/02/2022, bà M chuyển tổng cộng cho ông D 11 lần với tổng số tiền là 4.678.500.000 đồng, ông D đã chuyển trả cho bà M 630.000.000 đồng thực hiện qua 10 lần chuyển khoản thông qua số tài khoản 1018437388 của ông D, số tiền còn lại chưa thanh toán tính đến ngày 07/4/2022 là 4.026.500.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định tất cả các giao dịch chuyển tiền cho vay và thanh toán tiền đều được thực hiện giữa bà M và ông D.

[3.2] Ngày 24/5/2022, ông D lập giấy cam kết trả nợ có nội dung ông D thừa nhận mượn của bà Nguyễn Thị Trúc G 3.800.000.000 đồng, đến ngày 10/6/2022, ông D cam kết sẽ thanh toán cho bà G hết số tiền này, ông D thế chấp cho bà G giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D ngày 20/05/2022. Giấy cam kết được bà G ký tên, ông D ký tên và điểm chỉ. Bà G cho rằng số tiền bà M chuyển cho ông D là tiền của bà G nhờ bà M chuyển dùm, được bà M thừa nhận (bút lục số 98-100). Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ vay tài sản được xác lập giữa bà G và ông D theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

[3.3] Khoản 1 Điều 465 của Bộ luật Dân sự quy định: *"1.Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Đối chiếu quy định viện dẫn, ông D có nghĩa vụ thanh toán tiền cho bà G vào ngày 10/6/2022 nhưng ông D không thực hiện là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do đó, bà G khởi kiện yêu cầu ông D thanh toán số nợ 3.800.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[3.4] Về tiền lãi: tài liệu, chứng chứ cứ do nguyên đơn giao nộp thể hiện việc vay tiền giữa bà G và ông D không thỏa thuận lãi suất. Do đó, nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 10/6/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 10/9/2024 là 27 tháng theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) với số tiền 851.580.000 đồng, là phù hợp quy định tại Điều 465 của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với Giấy CNQSDĐ số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D ngày 20/05/2022 do bà G giữ, Hội đồng xét xử xét thấy: để giải quyết vụ án một cách toàn diện, triệt để, tránh phát sinh một vụ kiện khác, cần buộc bà G có nghĩa vụ trả lại cho ông D bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngay sau khi ông D thanh toán cho bà G số tiền gốc 3.800.000.000 đồng và tiền lãi 851.580.000 đồng.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bị đơn ông Đặng Quốc D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 147, 227, 228, 235, 259, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 357, 463, 465, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Trúc G đối với bị đơn ông Đặng Quốc D về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đặng Quốc D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trúc G 4.651.580.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm năm mươi mốt triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Nguyễn Thị Trúc G có nghĩa vụ trả lại cho ông Đặng Quốc D bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00696 ngày 30/9/2011 cập nhật biến động chuyển nhượng cho ông D ngày 20/05/2022 ngay sau khi ông Đặng Quốc D thanh toán cho bà Nguyễn Thị Trúc G số tiền 4.651.580.000 đồng (Bốn tỷ sáu trăm năm mươi mốt triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đặng Quốc D phải chịu 112.651.580 đồng (Một trăm mười hai triệu sáu trăm năm mươi mốt nghìn năm trăm tám mươi đồng).

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị Trúc G 36.018.946 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm mười tám nghìn chín trăm bốn sáu đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006403 ngày 27/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hương Diệp